

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 11
TỈNH NINH BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 06/2025/HNGĐ - ST

Ngày: 15 - 7 - 2025.

V/v: Kiện xin ly hôn, con chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 TỈNH NINH BÌNH

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Trọng Ích

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Đức Chạc.

2. Bà Dương Thị Vui.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Vũ Tuấn Tú – Thư ký Toà án nhân dân khu vực 11 tỉnh Ninh Bình.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa:* Bà Cao Thị Hồng Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 11 tỉnh Ninh Bình (Trước đây là Tòa án nhân dân huyện N tỉnh Nam Định) mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 17/2025/TLST- HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2025. Về vụ án kiện xin ly hôn và giải quyết con chung theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2025 và quyết định hoãn phiên tòa số 28/2025/QĐST – HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2025 giữa:

+ Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Đ - Sinh năm 1985;

Địa chỉ: Thôn Lạc Dục, xã Hưng Đạo, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

Nay là thôn Lạc Dục, xã Đại Sơn, thành phố Hải Phòng.

+ Bị đơn: Anh Trần Văn C - Sinh năm 1983.

Địa chỉ: Xóm 1, xã Phúc Thắng, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định.

Nay là: Xóm 1, xã Rạng Đông, tỉnh Ninh Bình.

Tại phiên tòa vắng mặt chị Đ, anh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại phiên tòa hôm nay chị Phạm Thị Đ vắng mặt, trong đơn khởi kiện và lời khai của chị Đ tại các buổi làm việc với Toà án thể hiện: Chị kết hôn với anh Trần Văn C vào tháng 12/2009 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND

xã N, huyện N, tỉnh Nam Định (nay là xã R, tỉnh Ninh Bình). Sau khi được cấp đăng kết hôn vợ chồng về chung sống hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2022, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không tìm được tiếng nói chung trong hôn nhân, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau khiến cuộc sống hôn nhân vợ chồng hết sức nặng nề. Gia đình hai bên khuyên giải nhiều lần nhưng mâu thuẫn vợ chồng không được cải thiện do vậy vợ chồng ly thân nhau từ năm 2022. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh C là không còn, vợ chồng chung sống không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hưng xem xét, giải quyết cho chị được ly hôn anh Trần Văn C.

Về con chung: Chị Phạm Thị Đ xác định giữa chị và anh C có một con chung là cháu Trần Hải N, sinh ngày 02/9/2010. Kể từ khi vợ chồng ly thân cháu N đang do chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Vợ chồng ly hôn chị xin nhận trực tiếp nuôi cháu N và không yêu cầu anh C đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản chung: Chị Phạm Thị Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí dân sự sơ thẩm chị đề nghị giải quyết theo quy định.

Tại phiên toà hôm nay anh Trần Văn C vắng mặt. Lời khai của bà Nguyễn Thị L (là mẹ đẻ của anh Trần Văn C) tại các buổi làm việc với Tòa án thể hiện vào năm 2009 được sự nhất trí của chính quyền địa phương gia đình đã tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương cho anh C và chị Đ sau khi kết hôn vợ chồng anh chị ở cùng gia đình bà một thời gian thì cùng nhau di làm ăn ở Hà nội cuối tháng mới về, trong quá trình chung sống vợ chồng anh chị không có mâu thuẫn gì lớn, năm 2022 thấy vợ chồng ít về bà có hỏi thì anh C nói vợ chồng mâu thuẫn, gia đình đã hoà giải nhưng không thành. Trong thời gian vừa qua gia đình có nhận được văn bản tố tụng của Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hưng thông báo việc chị Đ có đơn xi ly hôn anh C, do anh C bận không về để nhận trực tiếp những văn bản tố tụng của của Tòa án nên gia đình đã nhận thay và đã thông báo cho anh C đầy đủ, anh có nhờ bà báo cáo với Tòa án quan điểm của anh về việc giải quyết vụ án như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Đ xin ly hôn chị thì anh không muốn ly hôn nhưng chị Đ nhất quyết xin ly hôn anh thì tùy ah không có ý kiến gì.

Về con chung giữa: Anh C thống nhất giữa anh và chị Đ có một con chung là cháu Trần Hải N, sinh ngày 02/9/2010. Hiện cháu N đang do chị Đ chăm sóc nuôi dưỡng. Vợ chồng ly hôn do cháu N đã đủ 7 tuổi vì vậy cháu có nguyện vọng ở với ai thì người đó nuôi. Nếu cháu N có nguyện vọng ở với anh thì anh nhận nuôi không yêu cầu chị Đ phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Về tài sản chung: Anh C xác định vợ chồng có nhưng tự vợ chồng giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án cháu Trần Hải N trình bày: Từ khi bố mẹ ly thân cháu ở với mẹ cháu. Bố mẹ ly hôn cháu xin ở cùng với mẹ.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến xét xử tại phiên tòa hôm nay Thẩm phán thụ lý giải quyết cũng như Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Hôn nhân giữa chị Đ và anh C là hôn nhân tiến bộ, hợp pháp. Vợ chồng chung sống được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống. Xét thấy hôn nhân giữa chị Đ và anh C không còn nên: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 56; 81; 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình: Xử lý hôn giữa chị Phạm Thị Đ và anh Trần Văn C; Về con chung: Giao cháu Trần Hải N, sinh ngày 02/9/2010 cho chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Anh C không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Đ; Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều Điều 147; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 6 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội tuyên chị Đ phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của đương sự và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Anh Trần Văn C đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện đang cư trú tại xã P, huyện N, tỉnh Nam Định. Nay là là xã R tỉnh Ninh Bình. Chị Đ có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hưng thụ lý giải quyết vụ án chị xin ly hôn anh C và được Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hưng (nay là Tòa án nhân dân khu vực 11 tỉnh Ninh Bình) thụ lý giải quyết là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự và và Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[1.2] Tại phiên tòa hôm nay chị Phạm Thị Đ và anh Trần Văn C vắng mặt. Chị Đ có đơn xin xét xử vắng mặt, Tòa án xét xử vắng mặt chị Đ là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Anh Trần Văn C vắng mặt, anh C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Vì vậy, Tòa án xét xử vắng mặt anh C là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung: Cuộc hôn nhân giữa chị Phạm Thị Đ và anh Trần Văn C vào tháng 12 năm 2009 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được UBND xã N (nay là xã R tỉnh Ninh Bình) cấp đăng ký kết hôn là một hôn nhân tự do, tiến bộ và có đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn vợ chồng đã có thời gian chung sống hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung trong hôn nhân dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau khiến cuộc sống hôn nhân vợ chồng hết sức nặng nề, gia đình hai bên hoà giải nhưng không thành. Vợ chồng chị Đ anh C đã sống ly thân nhau từ năm 2022, trong thời gian ly thân cả hai đều đã cố gắng giải quyết mâu thuẫn nhưng không thành. Nay chị Đ xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh C không còn đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng được ly hôn. Anh C đã biết việc chị Đ xin ly hôn nhưng không về để hoà giải, bản thân anh có quan điểm không muốn vợ chồng ly hôn nhưng nếu chị Đ nhất quyết xin ly hôn thì tuyd chị Đ, anh không có ý kiến gì. Xét việc xin ly hôn của chị Đ và quan điểm của anh C Thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Đ và anh C đã trầm trọng, hôn nhân đã tan vỡ, khả năng đoàn tụ là không còn mục đích hôn nhân không đạt được. Chị Đ xin ly hôn anh C nên chấp nhận là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị Phạm Thị Đ và anh Trần Văn C đều thống nhất xác định vợ chồng có một con chung là cháu Trần Hải N, sinh ngày 02/9/2010. Kể từ khi vợ chồng ly thân cháu N đang do chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Vợ chồng ly hôn chị Đ xin trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu N và không yêu cầu anh C phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Phía anh C có quan điểm cháu N có nguyện vọng ở với ai thì người đó nuôi. Nếu cháu N có nguyện vọng ở với anh thì anh không yêu cầu chị Đ phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh. Xét việc xin nhận nuôi con chung của chị Đ và quan điểm giải quyết con chung của anh C thấy việc xin nhận trực tiếp nuôi con chung sau ly hôn của chị Đ và không yêu cầu anh C phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, không vi phạm điều cấm của pháp luật, bản thân cháu N có nguyện vọng xin ở với mẹ vì vậy được chấp nhận.

[4] Về tài sản chung vợ chồng: Chị Phạm Thị Đ và anh Trần Văn C đều thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết vì vậy không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm chị Phạm Thị Đ phải nộp theo quy định của pháp luật.

[6] Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân là phù hợp.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56; 81; 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ các Điều 147; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 6 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1- Xử lý hôn giữa chị Phạm Thị Đ và anh Trần Văn C.

2- Về con chung: Xử giao con chung là cháu Trần Hải N, sinh ngày 02/9/2010 cho chị Phạm Thị Đ trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Anh Trần Văn C không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Đ. Không ai được ngăn cản quyền chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng và thăm nom con chung.

3- Án phí dân sự sơ thẩm chị Phạm Thị Đ phải nộp 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Đ đã nộp theo biên lai số 0001607 ngày 24/02/2025 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 11 tỉnh Ninh Bình). Chị Đ đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt nguyên đơn, bị đơn. Báo cho người vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a và 9 Luật thi hành dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành dân sự.

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân Tỉnh.
- VKSND khu vực 11 tỉnh Ninh Bình.
- THADS khu vực 11 tỉnh Ninh Bình.
- UBND xã Nghĩa Rạng Đông.
- Các đương sự.
- Lưu án văn

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trần Trọng Ích